



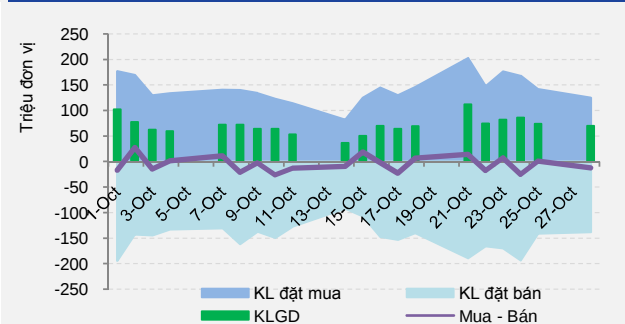
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 28/10/2013

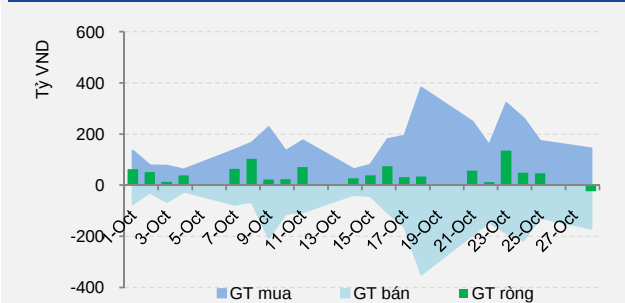
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	496.5	61.4
% Thay đổi	↓ -0.9%	↓ -0.7%
KLGD (CP)	70,118,605	27,148,537
GTGD (tỷ đồng)	933.41	241.81
Tổng cung (CP)	137,601,550	59,283,700
Tổng cầu (CP)	124,974,590	45,829,200

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	7,326,725	186,310
KL mua (CP)	4,544,150	883,200
GTmua (tỷ đồng)	143.46	7.96
GT bán (tỷ đồng)	167.42	2.87
GT ròng (tỷ đồng)	(23.97)	5.08

Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -0.65%	7.4	1.6	1.4%
Công nghiệp	↓ -0.90%	369.4	1.0	27.2%
Dầu khí	↑ 0.11%	7.4	1.5	3.4%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -0.70%	13.7	1.8	3.3%
Dược phẩm và Y tế	↓ -0.55%	8.2	2.7	0.9%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.99%	12.2	5.0	17.0%
Ngân hàng	↓ -1.18%	7.2	1.3	8.6%
Nguyên vật liệu	↓ -0.53%	9.1	2.0	7.8%
Tài chính	↓ -1.10%	17.8	2.5	23.3%
Tiền ích Cộng đồng	↓ -0.18%	8.9	3.3	6.9%
VN - Index	↓ -0.86%	12.9	2.9	79.5%
HNX - Index	↓ -0.66%	32.2	1.5	20.5%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE

	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	3,999,860	5.4%	400,350	0.5%
GTGD (tỷ VND)	422,187	31.4%	9,431	0.7%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: Thị trường tiếp tục diễn biến điều chỉnh giảm điểm sau khi tăng đến ngưỡng cân kỹ thuật (VN-Index khoảng 505 điểm, HNX-Index khoảng 63 điểm). Lệnh bán khởi đầu tại nhóm cổ phiếu beta cao mang tính dẫn dắt dòng tiền, từ đó lan sang thị trường chung. Mức độ giảm tăng qua từng phiên, chỉ số Index đóng cửa ở mức thấp nhất trong phiên cho thấy áp lực cung không nhỏ. Điểm tích cực là KLGD vẫn duy trì ở mức khá chưa cho tín hiệu tiêu cực về dòng tiền. Dòng tiền vẫn luân chuyển trong thị trường, chưa có tín hiệu rút ra, dù phần lớn chỉ chờ mua tại mức giá thấp.

Phiên giao dịch ngày mai là phiên T+3 của phiên thanh khoản cao Thứ 5 tuần trước. Thị trường dự báo tiếp tục giảm điểm trong phiên giao dịch tới. Với thực tế NĐTNN tiếp tục xu hướng mua ròng và thanh khoản toàn thị trường vẫn duy trì ở mức cao, chúng tôi cho rằng mức độ điều chỉnh của thị trường chung không nhiều. Mốc hỗ trợ kỹ thuật của thị trường ở thời điểm hiện tại là khoảng 490-495 điểm đối với VN-Index, 60.5-61 điểm đối với HNX-Index.

Chúng tôi duy trì quan điểm về xu hướng tăng điểm của thị trường sau thời gian điều chỉnh. Tuy nhiên với tâm lý thị trường đang thận trọng hơn, giai đoạn điều chỉnh kỹ thuật có thể cần thêm thời gian. Nhà đầu tư nên duy trì trạng thái danh mục, có thể xem xét tái cơ cấu danh mục theo hướng chuyển sang cổ phiếu cơ bản tốt. Trong trường hợp sử dụng đòn bẩy tài chính ở mức cao, nhà đầu tư xem xét giảm tỷ lệ nhằm chủ động trước diễn biến thị trường.

- VN-Index giảm 4.29 điểm (0.86%), xuống 496.46 điểm, mức thấp nhất trong phiên.

- HNX-Index giảm 0.41 điểm (0.67%), xuống 61.41 điểm, mức thấp nhất trong phiên.

- Chỉ số tồn kho của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tại thời điểm 1/10/2013 ước tăng 9.7% so với cùng kỳ, tiếp tục tăng so với mức 9.3% tại thời điểm 1/9. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 10 tăng 5.9% so với cùng kỳ, tính chung 10 tháng đầu năm tăng 5.4%, không biến động so với mức tăng trong Tháng 9. Tổng mức hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng loại trừ yếu tố giá còn tăng khoảng 5.5% so cùng kỳ, tăng so với mức 5.3% của tháng 9. Hàng tồn kho tiếp tục tăng, cùng chiều với hoạt động sản xuất, tiêu thụ cho thấy doanh nghiệp vẫn đang đầu tư sản xuất, chuẩn bị nhu cầu cuối năm.

- Thủ tướng Chính phủ tuyên bố nỗ lực hoàn thành mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2013 5.4%, cao hơn dự báo trong khoảng 5.2-5.3% của đa số các tổ chức quốc tế, tạo tiền đề cho tăng trưởng 5.8% trong năm 2014. Để thực hiện mục tiêu này, Chính phủ nhấn mạnh vai trò của đầu tư công từ NSNN và hoạt động tín dụng, chú trọng tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, đặc biệt là về lãi suất và khả năng tiếp cận vốn.

- Dự nợ tín dụng đến 23/10 ước tăng 6.48%, so với mục tiêu cả năm của NHNN là 12%. Lãi suất cho vay đối với các lĩnh vực ưu tiên từ 7% -9%/năm, đối với các lĩnh vực sản xuất kinh doanh khác từ 9-11.5%/năm (ngắn hạn) và 11.5% - 13%/năm (trung hạn và dài hạn). Những doanh nghiệp có tài chính lành mạnh được vay với lãi suất từ 6.5% - 7%/năm.

- Thị trường liên Ngân hàng đang ổn định trở lại. Trong ngày đầu tuần, lãi suất interbank kỳ hạn qua đêm đã giảm xuống 4.5%, so với mức 5.1% cuối tuần trước. Tim hiểu trên thị trường liên Ngân hàng, nhóm NHTMCP đã tăng lượng cung tiền trên thị trường 2, khi lãi suất tăng lên mức hấp dẫn. Dự kiến lãi suất liên Ngân hàng sẽ tiếp tục xu hướng hạ nhiệt, dù mức độ giảm dự kiến không nhiều, khi nhu cầu thanh khoản thường cao hơn về cuối năm.



VN-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Điều chỉnh	Tăng	Đi ngang

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Điều chỉnh	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- VN-Index giảm 4.29 điểm (0.86%), xuống 496.46 điểm, mức thấp nhất trong phiên.

- KLGD không có nhiều biến động so với phiên trước, đạt 60 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI giảm xuống mức 51 điểm, tâm lý thị trường khá thận trọng. Chỉ báo MACD đã cắt đường tín hiệu, chỉ báo về xu hướng điều chỉnh ngắn hạn.

Nhận định: Chỉ số VN-Index tiếp tục diễn biến điều chỉnh giảm điểm sau khi tăng đến ngưỡng cản kỹ thuật 505 điểm. Mức độ giảm tăng dần về cuối phiên, khởi đầu từ áp lực cung khá mạnh tại nhóm cổ phiếu beta cao mang tính dẫn dắt dòng tiền, từ đó lan sang thị trường chung. Mức độ giảm tăng qua từng phiên, chỉ số HNX-Index đóng cửa ở mức thấp nhất trong phiên cho thấy áp lực cung không nhỏ. Tuy nhiên KLGD vẫn duy trì ở mức khá vẫn cho tín hiệu tích cực, dòng tiền vẫn luân chuyển trong thị trường, chưa có tín hiệu rút ra.

Phiên giao dịch ngày mai là phiên T+3 của phiên thanh khoản cao Thứ 5 tuần trước. Áp lực cung dự kiến tiếp tục tăng trong phiên giao dịch tới. Với thực tế NĐTNN tiếp tục xu hướng mua ròng và thanh khoản toàn thị trường vẫn duy trì ở mức cao, chúng tôi cho rằng mức độ điều chỉnh của thị trường chung không nhiều. Mốc hỗ trợ kỹ thuật khá mạnh đối với thị trường ở thời điểm hiện tại là khoảng 490-495 điểm, tương đương mức giảm 36.8-23.6% của dải Fibonacci.

HNX-INDEX

- HNX-Index giảm 0.41 điểm (0.67%), xuống 61.41 điểm, mức thấp nhất trong phiên.

- KLGD tương đương phiên trước, đạt 24.7 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI giảm xuống 53 điểm, tâm lý thị trường khá thận trọng. Chỉ báo MACD 9 ngày vẫn cho tín hiệu về xu hướng tăng điểm.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index tiếp tục phiên giảm điểm thứ 3 liên tiếp, sau khi tiến gần ngưỡng cản kỹ thuật 63 điểm. Diễn biến giảm điểm với KLGD duy trì ở mức cao vẫn cho tín hiệu về lực cầu bất đáy, tuy nhiên áp lực cung giá cao không nhỏ.

Phiên giao dịch ngày mai là phiên T+3 của phiên thanh khoản cao Thứ 5 tuần trước. Áp lực cung dự kiến tiếp tục tăng trong phiên giao dịch tới. Với thực tế NĐTNN tiếp tục xu hướng mua ròng và thanh khoản toàn thị trường vẫn duy trì ở mức cao, chúng tôi cho rằng mức độ điều chỉnh của thị trường chung không nhiều. Mốc hỗ trợ kỹ thuật khá mạnh đối với thị trường ở thời điểm hiện tại là khoảng 60.5-61 điểm.

TOP CỔ PHIẾU CÓ LỢI NHUẬN Q3 TĂNG TRƯỞNG SO CÙNG KỲ CAO NHẤT

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q3	% so Q3.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	DT 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LNST 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LN 9T so KH2013	Tỷ lệ SHNN
1	PXS	HOSE	303.33	121.5%	33.48	1665.7%	681.75	68.1%	49.18	79.2%	49.8%	1.4%
2	HQC	HOSE	99.18	121.8%	15.12	1468.0%	383.09	223.4%	27.95	202.4%	37.3%	2.0%
3	CMI	HNX	22.48	791.5%	5.05	1052.1%	23.22	81.8%	0.79	4.6%	3.4%	0.1%
4	NDN	HNX	54.5	144.6%	10.11	568.0%	109.45	115.5%	16.75	365.7%	134.8%	0.1%
5	KMR	HOSE	119.42	120.1%	11.97	532.0%	268.49	93.8%	14.19	426.1%	114.9%	20.8%
6	VHG	HOSE	71.63	178.9%	21.12	471.2%	167.27	125.1%	75.52	-345.0%	-377.6%	0.2%
7	VPH	HOSE	237.3	1316.1%	9.83	330.2%	288.49	379.4%	10.51	-274.4%	26.2%	3.1%
8	APS	HNX	4.15	92.0%	0.7	280.0%	15.67	60.1%	4.58	37.4%	39.9%	14.0%
9	HNH	HNX	66.26	119.4%	0.58	241.7%	195.7	104.0%	1.86	-107.5%	60.0%	4.4%
10	SZL	HOSE	43.31	124.8%	17.28	239.3%	116.14	122.8%	36.47	152.5%	194.5%	4.0%

TOP CỔ PHIẾU CÓ LỢI NHUẬN 9T TĂNG TRƯỞNG SO CÙNG KỲ CAO NHẤT

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q3	% so Q3.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	DT 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LNST 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LN 9T so KH2013	Tỷ lệ SHNN
1	FCM	HOSE	22.69	#DIV/0!	-5.28	0.0%	253.64	314.5%	16.38	20475.0%	17.1%	4.2%
2	PPC	HOSE	1200.53	174.8%	99.43	181.8%	4845.61	167.8%	1399.38	1891.8%	417.2%	10.0%
3	KMR	HOSE	119.42	120.1%	11.97	532.0%	268.49	93.8%	14.19	426.1%	114.9%	20.8%
4	ORS	HNX	1.94	47.5%	-1.24	-138.5%	7.36	46.0%	-1.62	415.4%	-77.1%	0.0%
5	PSI	HNX	37.52	151.8%	0.26	107.1%	117.44	117.3%	2.09	380.0%	104.0%	17.8%
6	NDN	HNX	54.5	144.6%	10.11	568.0%	109.45	115.5%	16.75	365.7%	134.8%	0.1%
7	HQC	HOSE	99.18	121.8%	15.12	1468.0%	383.09	223.4%	27.95	202.4%	37.3%	2.0%
8	HPG	HOSE	4194.85	104.3%	496.09	171.8%	12474.01	98.8%	1464.62	178.9%	122.1%	43.9%
9	VND	HNX	51.35	102.1%	22.89	228.2%	185.72	93.9%	117.65	167.8%	155.3%	16.6%
10	SZL	HOSE	43.31	124.8%	17.28	239.3%	116.14	122.8%	36.47	152.5%	194.5%	4.0%

TOP CỔ PHIẾU CÓ TỶ LỆ HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH NĂM 2013

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q3	% so Q3.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	DT 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LNST 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LN 9T so KH2013	Tỷ lệ SHNN
1	PPC	HOSE	1200.53	174.8%	99.43	181.8%	4845.61	167.8%	1399.38	1891.8%	417.2%	10.0%
2	BSI	HOSE	54.21	162.5%	5.16	167.1%	155.16	81.1%	9.23	19.4%	406.6%	0.6%
3	VTO	HOSE	393.57	89.1%	8.04	62.6%	1201.53	97.9%	23.44	54.5%	324.2%	2.0%
4	WSS	HNX	4.92	78.0%	4.83	219.6%	15.22	54.5%	5.1	-162.9%	222.7%	4.4%
5	SZL	HOSE	43.31	124.8%	17.28	239.3%	116.14	122.8%	36.47	152.5%	194.5%	4.0%
6	VND	HNX	51.35	102.1%	22.89	228.2%	185.72	93.9%	117.65	167.8%	155.3%	16.6%
7	BTP	HOSE	262.28	105.1%	10.52	50.6%	1053.25	115.0%	80.57	104.6%	149.8%	1.4%
8	BVS	HNX	51.47	119.4%	21.97	212.3%	153.3	96.2%	78.6	103.5%	135.2%	2.2%
9	NDN	HNX	54.5	144.6%	10.11	568.0%	109.45	115.5%	16.75	365.7%	134.8%	0.1%
10	CSM	HOSE	805.09	105.9%	89.15	116.1%	2332.6	102.2%	257.73	138.4%	125.0%	12.8%

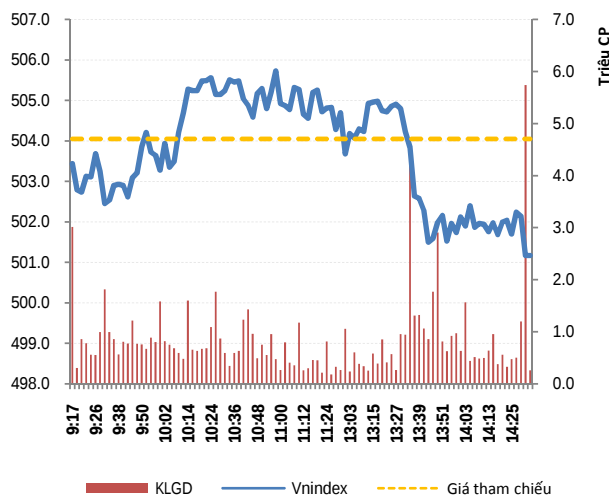
Ghi chú: Chỉ liệt kê những CP có KLGD bình quân trong 1 tháng gần nhất trên 50.000 cổ phiếu/phiên

EPS, ROA và ROE tính theo dữ liệu bốn quý gần nhất (trừ khi ghi chú khác)

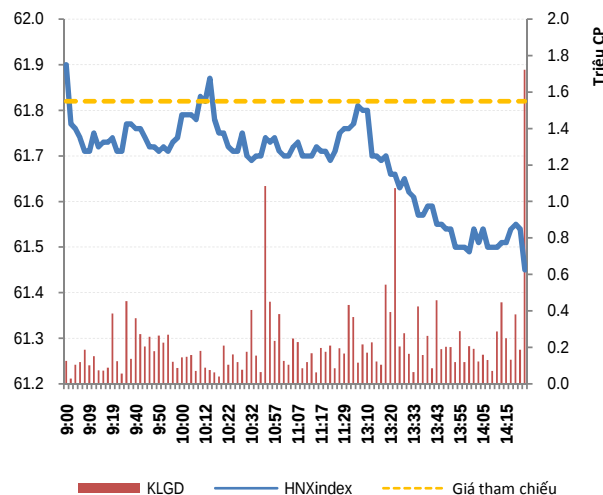
BV tính theo báo cáo tài chính quý gần nhất

Giá lấy theo giá đóng cửa ngày 28/10/2013.

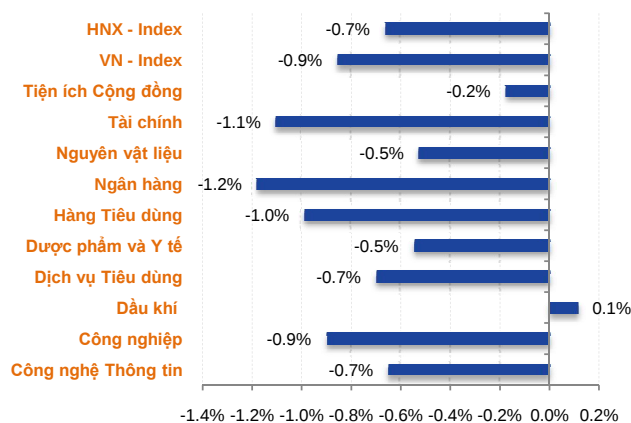
KLGD và VN-Index trong phiên



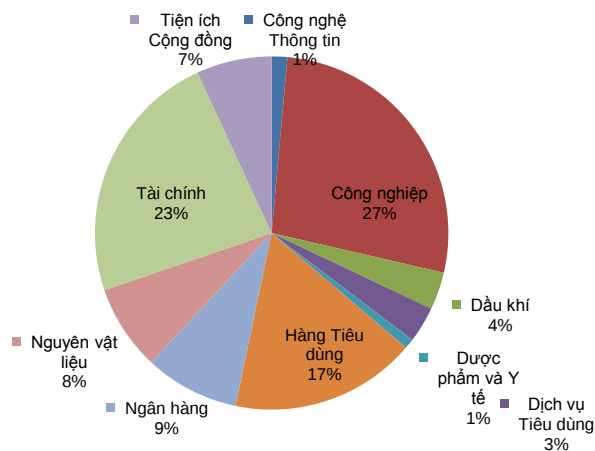
KLGD và HNX-Index trong phiên



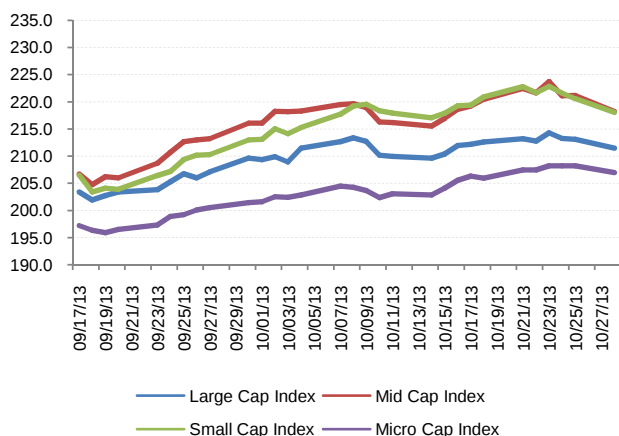
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



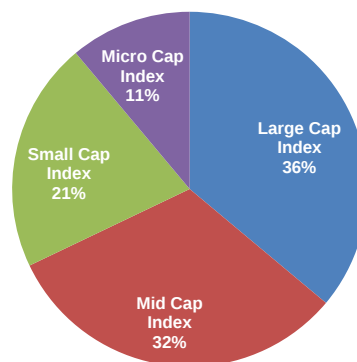
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
 Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
 Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	OGC	500,200	NHW	4,123,235
2	NTL	394,130	ITA	828,580
3	IJC	223,000	DRC	210,000
4	PPC	210,360	EIB	166,190
5	HPG	192,020	ITC	104,100

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SHB	571,590	DBC	111,100
2	PVS	79,400	PVC	28,000
3	ACB	50,000	VCG	14,400
4	SDH	28,700	VC5	10,000
5	TIG	24,200	SGD	3,500

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ITA	6.3	6.1	↓ -3.17%	7,412,570
NHW	14.1	14.1	→ 0.00%	4,123,235
CTG	17.5	17.3	↓ -1.14%	2,731,680
PVT	9.3	9.5	↑ 2.15%	2,660,170
OGC	10.7	10.2	↓ -4.67%	2,581,320

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	7.0	6.9	↓ -1.41%	3,056,816
VND	9.1	9.4	↑ 2.81%	2,431,120
VCG	9.3	9.2	↓ -0.91%	2,349,300
SCR	5.8	5.7	↓ -1.28%	2,342,093
PVS	16.0	16.2	↑ 1.26%	2,090,161

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
UDC	2.9	3.1	0.2	↑ 6.90%
VHG	11.6	12.4	0.8	↑ 6.90%
VNG	5.8	6.2	0.4	↑ 6.90%
ITD	4.8	5.1	0.3	↑ 6.25%
APC	11.3	12.0	0.7	↑ 6.19%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PCG	5.0	5.5	0.5	↑ 10.00%
SJC	6.0	6.6	0.6	↑ 10.00%
VE4	8.0	8.8	0.8	↑ 10.00%
CJC	21.5	23.6	2.1	↑ 9.77%
VC7	3.1	3.4	0.3	↑ 9.68%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PXM	0.9	0.8	-0.1	↓ -11.11%
CMT	5.8	5.4	-0.4	↓ -6.90%
SVT	7.4	6.9	-0.5	↓ -6.76%
CYC	4.6	4.3	-0.3	↓ -6.52%
VTB	9.2	8.6	-0.6	↓ -6.52%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
NVC	0.6	0.5	-0.1	↓ -15.33%
HHL	0.7	0.6	-0.1	↓ -13.86%
GGG	0.9	0.8	-0.1	↓ -10.11%
FDT	33.0	29.7	-3.3	↓ -10.00%
MCC	14.3	12.9	-1.4	↓ -9.79%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	7,412,570	0.3%	31	199.3	0.5
NHW	4,123,235	11.4%	1,413	10.0	1.1
CTG	2,731,680	19.2%	2,581	6.7	1.2
PVT	2,660,170	5.6%	630	15.1	0.8
OGC	2,581,320	-0.4%	(39)	-	1.0

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	3,056,816	-2.9%	(335)	-	0.6
VND	2,431,120	10.9%	1,265	7.4	0.8
VCG	2,349,300	1.3%	150	60.6	0.8
SCR	2,342,093	-3.1%	(450)	-	0.4
PVS	2,090,161	16.4%	2,738	5.9	1.0

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
UDC	↑ 6.9%	0.2%	18	171.2	0.3
VHG	↑ 6.9%	15.8%	2,453	5.1	0.7
VNG	↑ 6.9%	-0.2%	(25)	-	0.6
ITD	↑ 6.3%	4.5%	746	6.8	0.3
APC	↑ 6.2%	6.6%	882	13.6	0.9

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PCG	↑ 10.0%	5.9%	674	8.2	0.5
SJC	↑ 10.0%	0.2%	57	116.1	0.3
VE4	↑ 10.0%	6.9%	987	8.9	0.6
CJC	↑ 9.8%	23.2%	5,926	4.0	1.0
VC7	↑ 9.7%	-0.5%	(75)	-	0.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
OGC	500,200	-0.4%	(39)	-	1.0
NTL	394,130	6.7%	902	15.0	1.1
IJC	223,000	3.6%	390	19.3	0.7
PPC	210,360	39.7%	6,105	3.3	1.3
HPG	192,020	18.4%	3,913	9.3	1.7

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	571,590	-2.9%	(335)	-	0.6
PVS	79,400	16.4%	2,738	5.9	1.0
ACB	50,000	0.3%	41	380.7	1.2
SDH	28,700	-16.1%	(1,276)	-	0.5
TIG	24,200	3.9%	383	14.4	0.6

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	121,280	41.6%	6,429	10.0	3.8
VNM	117,520	40.5%	8,053	17.5	7.0
VCB	68,364	9.9%	1,785	16.5	1.7
CTG	64,415	19.2%	2,581	6.7	1.2
VIC	59,976	38.3%	4,973	13.3	4.2

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	14,283	0.3%	41	380.7	1.2
SQC	8,602	1.6%	198	395.7	6.4
PVS	7,192	16.4%	2,738	5.9	1.0
SHB	6,114	-2.9%	(335)	-	0.6
OCH	4,800	6.5%	574	41.8	2.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
SGT	3.24	-41.0%	(2,320)	-	0.4
CLG	2.58	9.9%	1,250	6.6	0.7
TS4	2.44	8.1%	1,518	5.3	0.5
NKG	2.40	-20.2%	(2,085)	-	0.8
PET	2.10	14.4%	2,610	8.1	1.1

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
TTZ	4.48	1.3%	135	22.2	0.3
HDA	4.15	14.3%	1,841	6.0	0.9
PVV	4.04	-24.8%	(2,293)	-	0.3
SDH	3.51	-16.1%	(1,276)	-	0.5
VAT	3.48	-9.0%	(1,079)	-	0.4



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Lầu 3, tòa nhà Artex, 236-238 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)